

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/DSST

Ngày: 26-11-2021.

“V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Võ Ánh Sửu và ông Ksor AfLai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 126/21/TLST-DSST, ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST-DSST, ngày 19 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2021/QĐ-HPT ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Trụ sở: tháp B, Hàng V, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nông Hà H – Chức vụ: Quyền Giám đốc Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B);

Địa chỉ: Hùng V, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk;

Người được ủy quyền lại: bà Lương Thị T – Chức vụ: Phó trưởng phòng quản lý khách hàng cá nhân thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh B - có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Công T – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện E, Đăk Lăk - **có mặt.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Công Th (đã chết ngày 05/02/2020);

- Bà Trần Thị V – sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện E, Đăk Lăk - vắng mặt.

- Chị Phạm Thanh Tu – sinh năm 1983; Anh Phạm Trung D – sinh năm 1993; Chị Phạm Thanh T – sinh năm 1995; Anh Phạm Trung Đ – sinh năm 1998 (đều vắng mặt không lý do).

Có cùng Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã D, huyện E, Đăk Lăk;

- Bà Nguyễn Thị A (mẹ ruột của ông Th)

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình – vắng mặt.

(bà Trần Thị V, anh Phạm Công T, chị Phạm Thanh T, anh Phạm Trung D, chị Phạm Thanh T, anh Phạm Trung Đ và bà Nguyễn Thị A còn tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Công Th).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:***

Trong tháng 07/2019, anh Phạm Công T đã vay của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E, các khoản tiền cụ thể như sau: Tại Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019 vay 350.000.000đ, thời hạn trả là 12 tháng, lãi trong hạn 11,9%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi phạt lãi bằng 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Tại Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019 vay 500.000.000đ, thời hạn trả là 12 tháng, lãi trong hạn 11,6%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi phạt lãi bằng 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11436954/HĐTD ngày 25/7/2019, vay 500.000.000đ, thời hạn trả là 11 tháng, lãi trong hạn 10,9%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi phạt lãi bằng 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay tại 03 hợp đồng nói trên cho ông T.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì ông Phạm Công T đã được ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V bảo lãnh thế chấp cho ngân hàng các tài sản sau: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk, Giấy chứng nhận QSDĐ số BA 848068 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 05/01/2011 mang tên hộ ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V; Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Dliê Yang, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk, Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 728501 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 08/9/2008 mang tên hộ bà Trần Thị V; Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 87, tọa lạc tại xã Dliê Yang, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk, Giấy chứng nhận QSDĐ số CC 613719 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 19/01/2017 mang tên ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2018/9391623/HĐBĐ ngày 24/8/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Phạm Công T mới chỉ trả nợ được cho ngân hàng khoản tiền như sau: ngày 09/10/2019, trả lãi trong hạn 10.498.082 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019; ngày 10/10/2019, trả lãi trong hạn 14.619.178 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019; ngày 28/11/2019, trả lãi trong hạn 2.880.000 đồng; Ngày 26/12/2019, trả lãi trong hạn 10.856.986 đồng, tổng cộng 13.736.986 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11436954/HĐTD ngày 25/7/2019. Từ đó đến nay mặc dù không được gia hạn thời hạn trả nợ nhưng anh T không trả thêm được khoản nào kể cả gốc và lãi. Gia đình người bảo lãnh thế chấp cũng không bàn giao tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Công T phải trả các khoản nợ của 03 hợp đồng trên là: 1.802.235.831đ (*một tỉ tám trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Trong đó:

HDTD 02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019, nợ gốc 350.000.000đ, lãi trong hạn 88.891.371đ, lãi quá hạn 28.812.672đ, lãi phạt lãi 5.108.202đ. Tổng nợ của hợp đồng này là 472.812.245đ; Hợp đồng số HDTD 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019, nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 123.627.397đ, lãi quá hạn 40.043.836đ, lãi phạt lãi 7.101.533đ. Tổng nợ của hợp đồng này là 670.772.766đ; Hợp đồng HDTD 01/2019/11436954/HĐTD ngày 25/7/2019, nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 113.927.398đ, lãi quá hạn 38.747.260đ, lãi phạt lãi 5.976.162. Tổng nợ của hợp đồng này là 658.650.820đ. Ngoài ra còn phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 26/11/2021 đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Phạm Công T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu được xử lý toàn bộ các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2018/9391623/HĐBĐ ngày 24/8/2018 để thu hồi nợ.

Ý kiến của bị đơn – ông Phạm Công T: Tôi thừa nhận đến nay tôi còn nợ ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đắc Lắc (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E số tiền gốc của 03 hợp đồng tín dụng là: 1.350.000.000đ và khoản lãi suất phát sinh như ngân hàng yêu cầu. Nhưng do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chưa có tiền để trả, nay đề nghị phía ngân hàng cho gia đình tôi thời gian để bán tài sản để trả nợ.

Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V, trình bày tại bản tự khai: Tôi thừa nhận vợ chồng tôi đã thế chấp các quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba, số 01/2018/9391623/HĐBĐ ngày 24/8/2018. Để bảo lãnh cho con ruột là Phạm Công T ký kết các hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Phòng giao dịch E như ý kiến của ngân hàng nói trên. Nhưng do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, sau khi vay thì ông Th đau ốm mất đi, gia đình lại càng khó khăn thêm nên đến chưa có tiền để trả. Nay chúng tôi đang kêu bán tài sản để trả nợ nhưng chưa bán được, khi nào bán được chúng tôi sẽ trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị A (mẹ đẻ của ông Th), tại biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2021: Việc ngân hàng Đ – Chi nhánh Bắc Đắc Lắc – Phòng giao dịch E khởi kiện đòi nợ anh Phạm Công T thì tôi không có ý kiến gì, còn đối với việc thừa kế di sản của con tôi Phạm Công Th thì tôi chưa có yêu cầu gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thanh Tu; anh Phạm Trung D; chị Phạm Thanh T và anh Phạm Trung Đ là người thuộc thành viên hộ gia đình ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V, đã ủy quyền cho ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V để bảo đảm cho ông Phạm Công T vay vốn tại ngân hàng. Tuy nhiên qua quá trình giải quyết vụ án thì những người này không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, cũng không thông báo cho ngân hàng và Tòa án biết nơi cư trú mới, gia đình người thân cũng không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của họ, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng những người này vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến, yêu cầu của mình cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp bao gồm: Đơn khởi kiện; CMND, số hộ khẩu ông Phạm Công T, ông Phạm Công Th, bà Trần Thị V (photo); các Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 613719, BA 848068, AM 728501 (photo đã đổi chiều bản gốc); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Phạm Công T (photo); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (photo); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 01/2018/9391623/HĐBĐ ngày 24/8/2018 (photo); Giấy đề nghị vay vốn (photo); 02 Biên bản làm việc (photo); Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019 (photo); Hợp đồng tín dụng số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019 (photo); 02 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh (photo); Hợp đồng ủy quyền ngày 24/8/2018 (photo); Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng (photo); các Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng của ngân hàng;

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không;

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 02 Biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị V; 02 Biên bản lấy lời khai của anh Phạm Công T; Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị A; **Biên bản làm việc; 02 Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; 03 Biên bản xác minh nơi cư trú của các đương sự;**

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật; tư các tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy phía nguyên đơn có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn anh Phạm Công T phải trả cho ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đắc Lắc (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E tổng số nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày **26/11/2021 là: 1.802.235.831đ (một tỉ tám trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng)** và chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản mà ông **Phạm Công Th và bà Trần Thị V** của ngân hàng nếu bị đơn không trả được nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đắc Lắc (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E đối với bị đơn ông Phạm Công T là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay vốn là để phục vụ nông nghiệp nên thuộc loại án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V, chị Phạm Thanh Tu; anh Phạm Trung D; chị Phạm Thanh T và anh Phạm Trung Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Trong năm 2019 anh Phạm Công T ký 03 hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Bắc Đắc Lắc (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số

02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019 vay 350.000.000đ, thời hạn trả là 12 tháng, lãi trong hạn 11,9%/năm; Hợp đồng số HĐTD 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019 vay 500.000.000đ, thời hạn trả là 12 tháng, lãi trong hạn 11,6%/năm; Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11436954/HĐTD ngày 25/7/2019, vay 500.000.000đ, thời hạn trả là 11 tháng, lãi trong hạn 10,9%/năm. Lãi quá hạn của 03 hợp đồng này đều tính bằng 150% lãi trong hạn; lãi phạt lãi bằng 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tổng tiền vay gốc của 03 hợp đồng trên là 1.350.000.000đ (*một tỉ ba trăm năm mươi triệu đồng*), ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay này cho ông T.

Đến nay cả 03 hợp đồng này đều quá hạn đã lâu, nhưng ông T chỉ mới trả được 38.854.246đ tiền lãi trong hạn.

Số dư nợ gốc và lãi đến nay (26/11/2021) cụ thể như sau: HĐTD 02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019, nợ gốc 350.000.000đ, lãi trong hạn 88.891.371đ, lãi quá hạn 28.812.672đ, lãi phạt lãi 5.108.202đ. Tổng nợ của hợp đồng này là 472.812.245đ; Hợp đồng số HĐTD 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019, nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 123.627.397đ, lãi quá hạn 40.043.836đ, lãi phạt lãi 7.101.533đ. Tổng nợ của hợp đồng này là 670.772.766đ; Hợp đồng HĐTD 01/2019/11436954/HĐTD ngày 25/7/2019, nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 113.927.398đ, lãi quá hạn 38.747.260đ, lãi phạt lãi 5.976.162. Tổng nợ của hợp đồng này là 658.650.820đ.

Như vậy, ông Phạm Công T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký, người bảo lãnh thế chấp cũng không giao các tài sản đã thế chấp để ngân hàng xử lý thu hồi nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên cho vay Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463; 466 Bộ luật dân sự, buộc ông Phạm Công T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng Giao dịch E, tổng số tiền nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng nói trên là: 1.802.235.831đ (*một tỉ tám trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 1.350.000.000đ (*một tỉ ba trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn: 326.446.166đ (*ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*), lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/11/2021 là: 107.603.768đ (*một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm lẻ ba nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*), lãi phạt lãi: 18.185.897đ (*mười tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*) và phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 27/11/2021 đến khi trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để bảo đảm tiền vay cho ông Phạm Công T thì ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V thế chấp các quyền sử dụng đất: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận QSDĐ số BA 848068 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 05/01/2011 mang tên hộ ông Phạm Công Th và bà Trần Thị V; Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Dliê Yang, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 728501 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 08/9/2008 mang tên hộ bà Trần Thị V; Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 87, tọa lạc tại xã Dliê Yang, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận QSDĐ số CC 613719 do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 19/01/2017 mang tên ông Phạm

Công Th và bà Trần Thị V. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2018/9391623/HĐBĐ ngày 24/8/2018;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất này đã được công chứng đúng quy định và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đất đai huyện Ea H'Leo. Trong quá trình giải quyết vụ kiện phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất này. Ông Phạm Công Th đã chết không để lại di chúc, nhưng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và thừa kế di sản của ông Th theo quy định của pháp luật là bà Trần Thị V (vợ ông Th) anh Phạm Công T, chị Phạm Thanh Tu, anh Phạm Trung D, chị Phạm Thanh T, anh Phạm Trung Đ (con ông Th) và bà Nguyễn Thị A (mẹ đẻ của ông Th) không ai có yêu cầu chia di sản thừa kế. Hiện nay các tài sản mà ông Th và bà V thế chấp nhằm đảm bảo cho khoản vay của anh Phạm Công T tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng Giao dịch E, do bà Trần Thị V và anh Phạm Công T quản lý sử dụng. Do vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nói trên tiếp tục có hiệu lực pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Phạm Công T không thanh toán được số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên để thu hồi nợ. Trường hợp, ông Phạm Công T trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E phải làm thủ tục giải chấp và trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà Trần Thị V.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp tài sản là: 2.000.000đ (hai triệu đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Phạm Công T phải chịu. Do số tiền này phía ngân hàng đã nộp tạm ứng nên buộc bị đơn phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E.

[5] Về án phí: ông Phạm Công T, phải chịu 66.067.000đ (sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí DSST.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 29.501.000đ (hai mươi chín triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000181 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 299, 318, 319, 320, 323; 463; 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 4, khoản 1 Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc anh Phạm Công T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng Giao dịch E, tổng số tiền nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng: số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 09/7/2019; số 02/2019/11436954/HĐTD ngày 10/7/2019; số 01/2019/11436954/HĐTD ngày 25/7/2019, là: 1.802.235.831đ (*một tỉ tám trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 1.350.000.000đ (*một tỉ ba trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn: 326.446.166đ (*ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*), lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/11/2021 là: 107.603.768đ (*một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm lẻ ba nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*), lãi phạt lãi: 18.185.897đ (*mười tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*) và phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 27/11/2021 đến khi trả hết nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Phạm Công T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đăk Lăk, xử lý các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2018/9391623/HĐBĐ ngày 24/8/2018 để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp: Buộc anh Phạm Công T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk (nay là chi nhánh B) – Phòng giao dịch E 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp (do ngân hàng đã nộp tạm ứng trước).

Về án phí: Buộc ông Phạm Công T phải nộp 66.067.000 đồng (*sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 29.501.000 đồng (*hai mươi chín triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000181 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Bùi Văn Long